

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN
VÀ CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám Đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4 - 5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2008	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 24



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN VÀ CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty cổ phần Tài Nguyên và Công ty con (dưới đây gọi tắt là Tập đoàn) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Tài Nguyên, tiền thân là Công ty TNHH Dương Quân, được thành lập theo:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102024446 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 24/02/2006 về việc thành lập Công ty TNHH Dương Quân.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102024446 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 25/8/2006 về việc chuyển đổi Công ty TNHH Dương Quân thành Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Tài Nguyên.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 02/7/2007 về việc chuyển đổi Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Tài Nguyên thành Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Tài Nguyên.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 18/6/2008 về việc chuyển đổi Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Tài Nguyên thành Công ty Cổ phần Tài Nguyên.

Trụ sở chính: Số 61 ngõ 562 đường Láng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 35 tỷ đồng.

Công ty có các chức năng kinh doanh chủ yếu sau:

- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản; kinh doanh các dịch vụ về môi trường;
- Kinh doanh bất động sản; môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất; đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, định giá bất động sản và quản lý điều hành sản giao dịch bất động sản;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính); môi giới, xúc tiến thương mại;
- San lấp mặt bằng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát; lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ du lịch khác (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);
- Kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN VÀ CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Thành viên của Hội Đồng Quản Trị

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2008 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Nguyễn Gia Long	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Trương Sơn Hiền	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Bá Huân	Ủy viên Hội đồng quản trị

3. Thành viên của Ban Tổng Giám Đốc

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám Đốc trong năm 2008 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Nguyễn Gia Long	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Huân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Sơn Hiền	Phó Tổng Giám đốc

4. Thành viên của Ban Kiểm Soát

Danh sách các thành viên Ban Kiểm Soát trong năm 2008 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Tạ Quang Huy	Trưởng ban
Ông Trần Ngọc Tuấn	Kiểm soát viên
Ông Nguyễn Văn Cường	Kiểm soát viên

5. Đánh giá tình hình kinh doanh

Các số liệu về tình hình kinh doanh hợp nhất trong năm 2008 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN VÀ CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

6. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản bảo đảm nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc năm tài chính đến ngày lập báo cáo này.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

7. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2008 cho Tập đoàn.

8. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám Đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty cổ phần Tài Nguyên và công ty con phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2009

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN GIA LONG

Số: 09.227/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các thành viên Hội Đồng Quản Trị
Các thành viên Ban Tổng Giám Đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán Bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty cổ phần Tài Nguyên và công ty con (dưới đây gọi tắt là Tập đoàn). Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính hợp nhất có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Tập đoàn thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi. Tuy nhiên, ý kiến của chúng tôi bị giới hạn bởi vấn đề sau:

Đầu tư vào Công ty liên kết

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, giá trị khoản đầu tư của Tập đoàn tại Công ty cổ phần Tài Nguyên Đất Việt là 13,5 tỷ đồng, chiếm 30% vốn điều lệ. Đến thời điểm hiện tại thì giá trị cổ phiếu trên thị trường chứng khoán đang sụt giảm một cách đáng kể, tuy nhiên Tập đoàn chưa tính toán để trích lập dự phòng cho khoản đầu tư tài chính này.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Tài Nguyên và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2009

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



The stamp contains the following text: SỞ KẾ HOẠCH VÀ QUẢN LÝ TP. HỒ CHÍ MINH, CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN D.T.L., QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH.

LỤC THỊ VÂN
Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN



NGÔ THANH BÌNH
Chứng chỉ KTV số 0524/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN VÀ CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		19.713.966.028	13.953.928.849
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.953.634.132	6.763.264.246
1. Tiền	111		2.953.634.132	6.763.264.246
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130		15.336.198.402	6.690.788.251
1. Phải thu khách hàng	131			1.630.788.251
2. Trả trước cho người bán	132		6.648.000.000	
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		14.698.402	
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	8.673.500.000	5.060.000.000
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139			
IV. Hàng tồn kho	140		72.381.145	23.660.506
1. Hàng tồn kho	141	5.3	72.381.145	23.660.506
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.351.752.349	476.215.846
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			2.979.167
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		446.752.349	473.236.679
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	905.000.000	

(Phần tiếp theo ở trang 7)

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN VÀ CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.512.737.960	1.104.855.479
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		2.059.755.201	1.023.619.368
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5(a)	1.290.286.378	991.213.375
- Nguyên giá	222		1.474.613.000	1.023.188.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(184.326.622)	(31.974.625)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Giá trị xây dựng cơ bản dở dang	230	5.5(b)	769.468.823	32.405.993
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		13.400.341.760	
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.6	13.400.341.760	
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Lợi thế thương mại	260			
VI. Đầu tư dài hạn khác	270		52.640.999	81.236.111
1. Chi phí trả trước dài hạn	271		52.640.999	81.236.111
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272			
3. Tài sản dài hạn khác	278			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		35.226.703.988	15.058.784.328

(Phần tiếp theo ở trang 8)

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN VÀ CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.512.737.960	1.104.855.479
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		2.059.755.201	1.023.619.368
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5(a)	1.290.286.378	991.213.375
- Nguyên giá	222		1.474.613.000	1.023.188.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(184.326.622)	(31.974.625)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Giá trị xây dựng cơ bản dở dang	230	5.5(b)	769.468.823	32.405.993
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		13.400.341.760	
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.6	13.400.341.760	
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Lợi thế thương mại	260			
VI. Đầu tư dài hạn khác	270		52.640.999	81.236.111
1. Chi phí trả trước dài hạn	271		52.640.999	81.236.111
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272			
3. Tài sản dài hạn khác	278			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		35.226.703.988	15.058.784.328

(Phần tiếp theo ở trang 8)

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN VÀ CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		123.904.868	41.342.811
I. Nợ ngắn hạn	310		123.904.868	41.342.811
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312			
3. Người mua trả tiền trước	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.7	118.904.868	41.342.811
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316		5.000.000	
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319			
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		35.102.799.120	15.017.441.517
I. Vốn chủ sở hữu	410		35.102.799.120	15.017.441.517
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.8(b)	35.000.000.000	15.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.8(a)	102.799.120	17.441.517
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431			
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG THIỂU SỐ	439			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	500		35.226.703.988	15.058.784.328

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN VÀ CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Ngày 28 tháng 4 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ HƯƠNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN GIA LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN VÀ CÔNG TY CON
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.904.481.818	9.939.658.474
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			518.774.910
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	6.1	4.904.481.818	9.420.883.564
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	3.940.840.328	9.024.837.889
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		963.641.490	396.045.675
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		7.586.881	
7. Chi phí tài chính	22			
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.3	688.232.171	340.506.230
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		282.996.200	55.539.445
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40			
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	50	5.6	(99.658.238)	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40+50)	60		183.337.962	55.539.445
16.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	6.4	97.980.357	6.782.811
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (70=60-61-62)	70		85.357.605	48.756.634
17.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			85.357.605	48.756.634
17.2 Lợi nhuận của cổ đông thiểu số				
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		5.8(d)	43	101

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ HƯƠNG

Ngày 28 tháng 4 năm 2009

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN GIA LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN VÀ CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.803.591.251	80.520.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02			(1.600.000.000)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(709.111.839)	(222.900.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	04			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(3.307.000)	(30.828.432)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.924.000.000	
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(18.918.286.887)	(5.286.456.286)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX - KD	20		(15.903.114.475)	(7.059.664.718)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	21		(344.160.639)	(32.405.993)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.672.355.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động Đầu tư	30		(9.016.515.639)	(32.405.993)

(Phần tiếp theo ở trang 12)

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN VÀ CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		21.110.000.000	11.400.000.000
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3.	Tiền vay ngắn hạn và dài hạn đã nhận được	33			
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6.	Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động Tài chính	40		21.110.000.000	11.400.000.000
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.809.630.114)	4.307.929.289
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	6.763.264.246	2.455.334.957
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	2.953.634.132	6.763.264.246

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ HƯƠNG

Ngày 28 tháng 4 năm 2009

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN GIA LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Hoạt động chính

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tài Nguyên, tiền thân là Công ty TNHH Dương Quân, được thành lập theo:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102024446 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 24/02/2006 về việc thành lập Công ty TNHH Dương Quân.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102024446 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 25/8/2006 về việc chuyển đổi Công ty TNHH Dương Quân thành Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Tài Nguyên.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 02/7/2007 về việc chuyển đổi Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Tài Nguyên thành Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Tài Nguyên.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 18/6/2008 về việc chuyển đổi Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Tài Nguyên thành Công ty Cổ phần Tài Nguyên.

Trụ sở chính: Số 61 ngõ 562 đường Láng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 35 tỷ đồng.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản; kinh doanh các dịch vụ về môi trường;

Kinh doanh bất động sản; môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất; đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, định giá bất động sản và quản lý điều hành sàn giao dịch bất động sản;

Tư vấn đầu tư (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính); môi giới, xúc tiến thương mại;

San lấp mặt bằng các công trình dân dụng và công nghiệp;

Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát; lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ du lịch khác (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);

Kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Nhật ký chứng từ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

a. Cơ sở kế toán chung

Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán chung được chấp nhận tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở phương pháp vốn chủ sở hữu.

b. Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các báo cáo tài chính của các Công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính được hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Tài Nguyên và báo cáo tài chính của Công ty con được hợp nhất sau:

	Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty mẹ (ĐVT: 1.000 đồng)		Tỷ lệ cổ phần do Công ty mẹ nắm giữ (ĐVT: %)	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
CTCP Tài Nguyên và Khoáng Sản Hà Nội - Điện Biên	8.672.355	-	100	-

Công ty cổ phần Tài Nguyên và Khoáng sản Hà Nội - Điện Biên được thành lập trong năm 2008 và báo cáo tài chính năm đầu tiên từ ngày 6 tháng 3 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất kết quả kinh doanh của Công ty này từ ngày 6 tháng 3 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Công ty liên kết

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm chi phí và thu nhập của Tập đoàn trong các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu sau khi các đơn vị này đã thực hiện những điều chỉnh các chính sách kế toán của mình cho phù hợp với các chính sách của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể đến ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể. Nếu phần lỗ của Tập đoàn vượt quá khoản đầu tư của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó được ghi giảm xuống bằng không và dừng việc ghi nhận khoản lỗ, trừ khi Tập đoàn có một nghĩa vụ phải thực hiện hay đã thực hiện các khoản thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Công ty liên kết áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu:

	Giá trị đầu tư ghi nhận tại CTCP Tài Nguyên (ĐVT: 1.000 đồng)		Tỷ lệ cổ phần do CTCP Tài Nguyên nắm giữ (ĐVT: %)	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
CTCP Đầu tư Tài Nguyên Đất Việt	13.500.000	-	30%	-

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của CTCP Đầu tư Tài Nguyên Đất Việt chưa được kiểm toán bởi một Công ty Kiểm toán độc lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối niên độ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.4. Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm nay
Máy móc thiết bị	8 năm
Phương tiện vận tải	6 năm

4.6. Chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Tập đoàn chưa trích lập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc.

4.7. Các khoản phải trả

Nợ phải trả xác định nghĩa vụ hiện tại của doanh nghiệp khi doanh nghiệp nhận về một tài sản, tham gia một cam kết hoặc phát sinh các nghĩa vụ pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế

Các quỹ được trích lập theo điều lệ hoạt động của Tập đoàn.

4.9. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư

Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư được ghi nhận khi bán. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư cũng bao gồm cổ tức từ các khoản đầu tư và được ghi nhận khi quyền của cổ đông đối với việc nhận khoản lợi tức này được thiết lập.

4.10. Thuế

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành; chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Ngoài ra, theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/1/2009 của Bộ Tài Chính, Tập đoàn thuộc đối tượng được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của quý IV năm 2008 và số thuế TNDN phải nộp của năm 2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.12. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Công ty mẹ do việc đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết được thực hiện trong năm 2008

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	967.190.243	6.762.214.246
Tiền gửi ngân hàng	<u>1.986.443.889</u>	<u>1.050.000</u>
Tổng cộng	<u>2.953.634.132</u>	<u>6.763.264.246</u>

5.2. Phải thu khác

Phải thu khác là khoản tiền cho Ông Nguyễn Gia Long vay.

5.3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho là công cụ, dụng cụ của Tập đoàn.

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác là khoản tạm ứng của công nhân viên, chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Nguyễn Bá Huân	500.000.000	-
Ông Trương Sơn Hiền	400.000.000	-
Khác	<u>5.000.000</u>	<u>-</u>
Tổng cộng	<u>905.000.000</u>	<u>-</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.5. Tài sản cố định

a. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.023.188.000	-	1.023.188.000
Mua trong kỳ	-	451.425.000	451.425.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối năm	1.023.188.000	451.425.000	1.474.613.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	31.974.625	-	31.974.625
Khấu hao trong năm	95.923.872	56.428.125	152.351.997
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối năm	127.898.497	56.428.125	184.326.622
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	991.213.375	-	991.213.375
Tại ngày cuối năm	895.289.503	394.996.875	1.290.286.378

b. Giá trị xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án mỏ tại Lâm Đồng	107.743.243	23.880.269
Dự án mỏ tại Điện Biên	661.725.580	8.525.724
Tổng cộng	769.468.823	32.405.993

5.6. Đầu tư vào Công ty liên kết

	Vốn gốc	Hợp nhất quyền lợi	Cuối năm
CTCP Tài Nguyên Đất Việt	13.500.000.000	(99.658.240)	13.400.341.760

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	95.376.168	702.811
Thuế tài nguyên	9.008.700	17.640.000
Các khoản phí, lệ phí	<u>14.520.000</u>	<u>23.000.000</u>
Tổng cộng	<u>118.904.868</u>	<u>41.342.811</u>

5.8. Vốn chủ sở hữu

a. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn đầu tư chủ sở hữu</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>
Số dư đầu năm trước	3.600.000.000	(31.315.117)
Vốn tăng trong năm trước	11.400.000.000	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	48.756.634
Số dư cuối năm trước	15.000.000.000	17.441.517
Vốn tăng trong năm nay	20.000.000.000	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	<u>85.357.603</u>
Số dư cuối năm nay	<u>35.000.000.000</u>	<u>102.799.120</u>

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Cổ đông sáng lập	30.000.000.000	86	15.000.000.000	100
Ông Nguyễn Gia Long	25.500.000.000	73	12.750.000.000	85
Ông Trương Sơn Hiền	2.400.000.000	7	1.200.000.000	8
Ông Nguyễn Bá Huân	2.100.000.000	6	1.050.000.000	7
Cổ đông khác	<u>5.000.000.000</u>	<u>14</u>	-	-
Tổng cộng	<u>35.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>15.000.000.000</u>	<u>100</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.500.000	1.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	1.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000	1.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	1.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông Tập đoàn. Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn

d. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn	85.357.603	48.756.634
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.999.282	484.247
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	43	101

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu khai thác mỏ	3.958.500.000	9.939.658.474
Doanh thu cung cấp dịch vụ	<u>945.981.818</u>	<u>-</u>
Tổng cộng	<u>4.904.481.818</u>	<u>9.939.658.474</u>
Các khoản giảm trừ	<u>-</u>	<u>(518.774.910)</u>
Doanh thu thuần	<u>4.904.481.818</u>	<u>9.420.883.564</u>

6.2. Giá vốn

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn khai thác mỏ	3.856.840.328	9.024.837.889
Giá vốn dịch vụ	<u>84.000.000</u>	<u>-</u>
Tổng cộng	<u>3.940.840.328</u>	<u>9.024.837.889</u>

6.3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	284.011.839	222.900.000
Chi phí đồ dung văn phòng	40.132.298	32.454.169
Chi phí khấu hao tài sản cố định	152.351.997	-
Thuế, phí, lệ phí	9.030.832	5.837.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	176.271.974	72.292.516
Chi phí bằng tiền khác	<u>26.433.231</u>	<u>7.022.545</u>
Tổng cộng	<u>688.232.171</u>	<u>340.506.230</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	97.980.357	6.782.811
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của các năm trước	-	-
Tổng cộng	97.980.357	6.782.811

7. Những thông tin khác

7.1. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

7.2. Những thông tin khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được Tổng Giám Đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 28 tháng 4 năm 2009.

Ngày 28 tháng 4 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ HƯƠNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN GIA LONG